TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2025/HNGĐ-ST
Ngày 14 – 4 – 2025
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Rỡ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Tác và bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa***: Ông Trương Minh Thiện – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2025/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh N, sinh năm 1995. Nơi cư trú: tổ A, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt)

Bị đơn: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1996. Nơi cư trú: tổ A, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện ngày 02/01/2025 và lời khai của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh N trình bày:

Bà N và ông Phạm Văn H tự tìm hiểu rồi kết hôn. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của anh H và hôn nhân lần thứ 2 của bà nên không tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau từ năm 2020. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện P, tỉnh An Giang ngày 29/12/2020. Sau khi kết hôn, ông H và bà N chung sống tại nhà chồng ở ấp H, xã H được một thời gian rồi vợ chồng sống riêng gần nhà ba mẹ chồng. Thời gian chung sống vợ chồng cũng thường xuyên mâu thuẫn chủ yếu về tiền bạc, mẹ ông H không chấp nhận bà N vì từng có một đời chồng nên hay xảy ra cãi vả giữa mẹ chồng nàng dâu. Mỗi lần nhậu say là ông H dùng lời lẽ thô tục chửi bà N, nhưng bà đều bỏ qua. Đến tháng 11/2024 thì mâu thuẫn càng trầm trọng do ông H ghen tuông vô cớ, nhắn tin chửi bà N bằng lời lẽ thô tục trong

nhóm zalo làm việc chung của vợ chồng, vì không thể nhẫn nhịn được nữa nên vợ chồng có cãi nhau và bà quyết định ly thân với ông Phạm Văn H đến nay. Bà N và ông H chính thức ly thân từ tháng 11/2024 đến nay, từ khi ly thân đến nay ông H không liên hệ hàn gắn. Bà N yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn H.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Quốc H1, sinh ngày 10/9/2020 do bà N đang nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng cho mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Phạm Văn H đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông không tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của nguyên đơn*.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thanh N đối với ông Phạm Văn H.

Về con chung: Giao con chung tên Phạm Quốc H1 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu H1 mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu H1 thành niên.

Về tài sản chung và nợ cung không có; đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí bà N và ông H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật. Bị đơn đã được toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà N và ông H tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 119 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh An Giang cấp ngày 29/12/2020 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

Bà N cho rằng có mâu thuẫn, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 11/2024 đến nay. Qua xác minh, bà N và ông H không còn chung sống với nhau.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau*….". Bà N và ông H không tôn trọng nhau, ly thân từ tháng 11/2024 đến nay nhưng không còn thiện chí hàn gắn, điều này chứng minh mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu, cho bà N được ly hôn ông H.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà N và ông H có 01 con chung tên Phạm Quốc H1, sinh ngày 10/9/2020 bà N yêu cầu tiếp tục nuôi con. Xét thấy từ khi ly thân đến nay do bà N nuôi dưỡng cháu H1. Để đảm bảo sự ổn định cho cháu H1, cần thiết giao cháu H1 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà N yêu cầu ông H cấp dưỡng cho cháu H1 mỗi tháng 1.000.000 đồng. Theo khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Sau khi ly hôn, ông H không trực tiếp nuôi cháu H1 nên ông phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu H1, vì vậy bà N yêu cầu ông H cấp dưỡng cho cháu H1 mỗi tháng 1.000.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của bà N.

Bà N và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện cho ông H đến thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét việc thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nếu có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông H phải chịu án phí cấp dưỡng cho con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 322 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia

đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Thanh N.

1. Về hôn nhân: Bà Lê Thị Thanh N được ly hôn ông Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Quốc H1, sinh ngày 10/9/2020 cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu H1 mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2025 đến khi cháu H1 thành niên và lao động được.

Bà N và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện cho ông H đến thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở ông H thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét việc thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nếu có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011762 ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Ông H phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng.

Bà N và ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân
- UBND xã Hoà Lạc, huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thị Rỡ